

Số: 181 /BC-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Đại học Hồng Đức báo cáo công khai hoạt động năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học công lập, đào tạo đa ngành, trực thuộc địa UBND tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành Trung ương. Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, như: Giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước.

Cơ cấu tổ chức, quản trị Nhà trường gồm: Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn; 31 đơn vị thuộc và trực thuộc (08 phòng, 12 khoa, 08 trung tâm, 01 ban, 01 trường Mầm non thực hành, 01 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông).

Tính đến tháng 12/2024, toàn trường có tổng số cán bộ, giảng viên, người lao động toàn trường: 672 người với 417 giảng viên, trong đó 198 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 47,36% (31 giảng viên có chức danh Phó Giáo sư, đạt 7,41%, 28 tiến sĩ được đào tạo hoàn toàn ở nước ngoài, chiếm 14,14%).

Năm học 2024-2025, Nhà trường thực hiện tổ chức đào tạo 7 chuyên ngành trình độ tiến sĩ, 21 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (trong đó có 01 chuyên ngành liên kết đào tạo với nước ngoài), 36 ngành đào tạo trình độ đại học và các chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ. Quy mô đào tạo của toàn trường tính đến 31/12/2024 là 11.087 người học.

Hoạt động khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có bước phát triển vượt bậc. Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án; kết quả ứng dụng, chuyển giao công nghệ đã đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Trường và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Hoạt động hợp tác quốc tế từng bước được phát triển mới, đã chủ động mở rộng và đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế như xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên và hợp tác nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học có uy tín trên thế giới như: Trường Đại học Zielona Gora (Cộng hòa Ba Lan); Đại học Greifswald, Đại học Zittau/Goerlitz và Đại học Anhalt (Cộng hòa Liên bang Đức); Đại học Polytech Tours (Cộng hòa Pháp).

Nhà trường đã kiểm định chất lượng giáo dục Trường, chu kỳ 2 (QĐ số 593/QĐ-KĐCL ngày 09/8/22022 của Trung tâm KĐCLGD - ĐH QGHN) và 21 chương trình đào tạo được đã được kiểm định, gồm: Đào tạo trình độ đại học: 18 chương trình (Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kế toán, Luật, chăn nuôi, Du lịch, Tài chính - Ngân hàng); đào tạo trình độ thạc sĩ: 3 chương trình (Quản trị kinh doanh, Khoa học máy tính và Quản lý giáo dục).

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học nhìn chung cơ bản đáp ứng cho các ngành đào tạo, gồm: 163 phòng học (trong đó có 125 phòng học từ 40-72 người học, 34 phòng học từ 80-120 người học, 04 phòng học 253 người học), 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	26,58	27,25
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99,04%	98,8%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	47,48%	45,9%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên/ Lĩnh vực đào tạo	Số lượng	Chức danh			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	417	11	208	167	31	
1.1	Khoa học giáo dục và đào tạo GV	174	6	96	59	13	
1.2	Nhân văn	34	1	27	5	1	
1.3	Khoa học xã hội và hành vi	10			9	1	
1.4	Báo chí và thông tin	5			5		
1.5	Kinh doanh và quản lý	82		56	22	4	
1.6	Pháp luật	29	2	16	10	1	
1.7	Máy tính và công nghệ thông tin	26	2	19	2	3	
1.8	Công nghệ kỹ thuật	7		2	5		
1.9	Kỹ thuật	5			3	2	
1.10	Kiến trúc và xây dựng	10			8	2	
1.11	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	15			15		
1.12	DL, KS, TT và dịch vụ cá nhân	15			13	2	
1.13	Môi trường và bảo vệ môi trường	5			5		

TT	Đội ngũ giảng viên/ Lĩnh vực đào tạo	Số lượng	Chức danh			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2	GV cơ hữu trong độ tuổi lao động	414	11	214	161	29	
2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo GV	172	6	95	58	13	
2.2	Nhân văn	34	1	27	5	1	
2.3	Khoa học xã hội và hành vi	10			9	1	
2.4	Báo chí và thông tin	5			5		
2.5	Kinh doanh và quản lý	82		56	22	4	
2.6	Pháp luật	29	2	16	10	1	
2.7	Máy tính và công nghệ thông tin	24	2	18	2	2	
2.8	Công nghệ kỹ thuật	7		2	5		
2.9	Kỹ thuật	5			3	2	
2.10	Kiến trúc và xây dựng	10			8	2	
2.11	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	14			14		
2.12	DL, KS, TT và dịch vụ cá nhân	16			14	2	
2.13	Môi trường và bảo vệ môi trường	6			5		

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	43	41
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	255	194
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	62,20%	57,3%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m ²)	39,94m ²	41,57 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	9,0m ²	9,37m ²
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	14.041/70	13.975/67
5	Số bản sách/người học	12,12	12,50
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	485,7 Mbps/1000	485,7 Mbps/1000

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Cơ sở chính	P Đông Vệ, TP Thanh Hóa	384.000	97.521
2	Trung tâm GDQP-AN	P Quảng Thành, TP Thanh Hóa	85.000	8.249
Tổng cộng			469.000	105.770

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (Tỷ đồng)
1	Xây mới tòa nhà	Không	
2	Nâng cấp tòa nhà	Nhà Điều hành và KTX N5	18,98
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	Không	
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm	Không	
Tổng cộng			18,98

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội VNE-CEA

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Mức độ đạt kiểm định: 83,6

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 12/8/2024 đến ngày 12/8/2029

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định năm 2024

TT	Mã ngành	Trình độ, tên ngành/chuyên ngành	Tên tổ chức kiểm định	Mức độ đạt kiểm định (%)	Thời gian hiệu lực
1	7580201	ĐH Kỹ thuật Xây dựng	VNE-CEA	86	5 năm
2	7520201	ĐH Kỹ thuật Điện	VNE-CEA	84	5 năm
3	7220201	ĐH Ngôn ngữ Anh	VNE-CEA	88	5 năm
4	8140111	ThS. LL&PP DH BM Văn-TV	VNE-CEA	80	5 năm
5	8460102	ThS. Toán Giải tích	VNE-CEA	80	5 năm

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	94,1%	88,0%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	8,8%	2,9%
3	Tỷ lệ thôi học	3,6%	3,6%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	1,5%	2,0%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	80,90%	80,84%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	77,78%	79,75%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	96,5%	97,2%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	96,0%	97,8%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	93,5%	94,4%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm 2024

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>				
1.1	Chính quy	2530	391	1055	92,45%
1.2	Vừa làm vừa học	2959	1425	1245	
2	<i>Nhân văn</i>				
2.1	Chính quy	872	356	66	100%
2.2	Vừa làm vừa học	199	170	28	
3	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>				
3.1	Chính quy	268	123	3	100%
3.2	Vừa làm vừa học	21	0	0	
4	<i>Báo chí và thông tin</i>				
4.1	Chính quy	87	66	0	
4.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
5	<i>Kinh doanh và quản lý</i>				
5.1	Chính quy	1944	601	344	94,34%
5.2	Vừa làm vừa học	118	69	45	
6	<i>Pháp luật</i>				
6.1	Chính quy	390	179	68	100%
6.2	Vừa làm vừa học	162	74	103	
7	<i>Máy tính và công nghệ thông tin</i>				
7.1	Chính quy	523	189	69	100%
7.2	Vừa làm vừa học	29	11		
8	<i>Công nghệ kỹ thuật</i>				
8.1	Chính quy	137	40	32	100%

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
8.2	Vừa làm vừa học	27	21		
9	Kiến trúc và xây dựng				
9.1	Chính quy	122	25	30	100%
9.2	Vừa làm vừa học	53	35	8	
10	Quản lý công nghiệp	60	63		
11	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				
11.1	Chính quy	173	66	34	83,33 %
11.2	Vừa làm vừa học	63	26	0	
12	DL, KS, TT và dịch vụ cá nhân				
12.1	Chính quy	181	113	14	100%
12.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
13	Môi trường và bảo vệ môi trường				
13.1	Chính quy	46	22	9	100%
13.2	Vừa làm vừa học	107	63	42	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	197	88	116	
2	Nhân văn	20	11	10	
3	Khoa học xã hội và hành vi	182	81	10	
4	Báo chí và thông tin	0	0	0	
5	Kinh doanh và quản lý	205	118	101	
6	Pháp luật	0	0	0	
7	Máy tính và công nghệ thông tin	35	20	0	
8	Công nghệ kỹ thuật	0	0	0	
9	Kỹ thuật	0	0	0	
10	Kiến trúc và xây dựng	4	0	1	
11	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	14	5	8	
12	DL, KS, TT và dịch vụ cá nhân	0	0	0	
13	Môi trường và bảo vệ môi trường	0	0	0	
14	Toán và thống kê	49	31	43	
15	Khoa học tự nhiên	9	3	0	
16	Khoa học sự sống	7	0	0	
III	Tiến sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	12	11	1	
2	Nhân văn	3	0	1	
3	Khoa học xã hội và hành vi	0	0	0	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
4	Báo chí và thông tin	0	0	0	
5	Kinh doanh và quản lý	18	5	0	
6	Pháp luật	0	0	0	
7	Máy tính và công nghệ thông tin	7	4	0	
8	Công nghệ kỹ thuật	0	0	0	
9	Kỹ thuật	0	0	0	
10	Kiến trúc và xây dựng	0	0	0	
11	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5	3	0	
12	DL, KS, TT và dịch vụ cá nhân	0	0	0	
13	Môi trường và bảo vệ môi trường	0	0	0	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu/chí khoa học-công nghệ	1,25	1,003
2	Số công bố khoa học/giảng viên	236/417	334/414
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	65/417	45/414

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

ĐVT: tỷ đồng

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	3	4,219
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	4	1,141
3	Đề tài cấp cơ sở	32	0,61
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
Tổng số		39	5,97

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐ GSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	68	47
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	65	45
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	108	98
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	10	5

5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0
---	--	---	---

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	17,4%	21,5%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	7,49%	8,95%

2. Kết quả thu chi hoạt động

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	216,73	186,39
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	78,43	64,2
II	Thu giáo dục và đào tạo	136,08	116,78
1	Học phí, lệ phí từ người học	118,64	101,76
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	17,44	15,02
III	Thu khoa học và công nghệ	2,22	5,41
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2,22	5,41
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	183,82	161,4
I	Chi lương, thu nhập	112,69	87,9
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	75,13	58,6
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	37,56	29,3
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	51,05	60,47
1	Chi cho đào tạo	40	47,2
2	Chi cho nghiên cứu	2,22	5,41
3	Chi cho phát triển đội ngũ	1,00	0,57
4	Chi phí chung và chi khác	7,83	7,29
III	Chi hỗ trợ người học	5,08	5,35
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	4,48	4,96
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0,4	0,26
3	Chi hoạt động khác	0,2	0,13
IV	Chi khác	15	7,68
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	32,91	24,99

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo chất lượng và khảo thí

a) Công tác tuyển sinh

Năm 2024, Nhà trường tuyển sinh được 4095/4512 chỉ tiêu đạt 90,76%. Trong đó: có 23 nghiên cứu sinh; 359 học viên cao học; 1.962 sinh viên chính quy trình độ đại học; 1751 đại học liên thông, VLVH; 105 trẻ em Trường Mầm non Thực hành và 374 học sinh Trường tiểu học, THCS và THPT Hồng Đức.

b) Phát triển chương trình đào tạo

- Nhà trường đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa giao nhiệm vụ và đã hoàn thành dự thảo Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

- Mở mới 04 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ và 01 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Hiện đang triển khai xây dựng đề án mở mới 5 ngành đào tạo và đề án đào tạo từ xa 5 ngành trình độ đại học.

- 100% các chương trình đào tạo được rà soát trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan và chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước. Bổ sung 02 học phần “Quyền con người và bình đẳng giới” và “Đại cương về biến đổi khí hậu” vào tất các chương trình đào tạo trình độ đại học của Nhà trường.

c) Thực hiện chương trình đào tạo

Quản lý, tổ chức đào tạo cho 6.775 sinh viên chính quy của 36 ngành trình độ đại học và 442 sinh viên học ngành 2; 17 lưu học sinh Lào học tiếng Việt; 722 học viên cao học và 45 NCS. Tổ chức 50 đoàn kiến tập sư phạm cho 939 sinh viên đào tạo nhóm ngành giáo viên, hình thức chính quy, trong đó: tại trường THPT: 20 đoàn, trường Tiểu học: 17 đoàn, trường MN: 13 đoàn (trong đó 02 đoàn CĐ GDMN); Tỷ lệ sinh viên có kết quả TTSP đạt loại xuất sắc đạt 68,3%; giỏi đạt 30,6%, khá đạt 0,7%; không đạt: 0,32%. Tổ chức cho 1056 sinh viên sư phạm K24 đi thực tập tốt nghiệp tại 54 điểm Trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và 325 sinh viên ngoài sư phạm đào tạo chính quy, 425 sinh viên đào tạo liên thông, VLVH đi thực tập tốt nghiệp. Tổ chức mở và quản lý 1.785 lớp học phần; giao nhiệm vụ cố vấn học tập cho 55 giảng viên tại 12 khoa đào tạo, thực hiện khảo sát 7578 người học về công tác CVHT với kết quả 93,5% người được khảo sát hài lòng về công tác cố vấn học tập.

d) Tổ chức các lớp bồi dưỡng

Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở cho 2.477 học viên; phối hợp với Ban Dân tộc tổ chức 37 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 2.293 học viên là cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

e) Công tác quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ

Quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ đúng quy trình, công khai, chính xác; Năm 2024 Nhà trường đã cấp 02 bằng tiến sĩ, 289 bằng thạc sỹ, 1.724 bằng đại học chính quy tập trung và liên thông CQ; 1.471 đại học liên thông, VLVH, 129 bằng cao đẳng sư phạm mầm non; 2.477 học viên được cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; 2.293 học viên được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

2. Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hợp tác quốc tế

a) Hoạt động khoa học công nghệ

Toàn trường thực hiện 99 đề tài KH&CN các cấp, với 40 đề tài được phê duyệt mới (03 đề tài KH&CN thuộc Quỹ Nafosted; 01 dự án Khuyến nông Quốc gia; 01 đề tài Bộ NN&PTNT, 06 đề tài cấp tỉnh, 29 đề tài cấp cơ sở); 30 đề tài đã nghiệm thu (01 đề tài cấp Nhà nước và tương đương; 05 đề tài cấp tỉnh, 03 đề tài cấp bộ và 21 đề tài cấp cơ sở). Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Một số sản phẩm từ kết quả nghiên cứu đã được thương mại hóa, chuyển giao rộng rãi (02 sản phẩm được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn); thực hiện 117 đề tài NCKH sinh viên.

Giảng viên Nhà trường đã công bố 354 bài báo trên các tạp chí khoa học, trong đó có 106 bài trên tạp chí quốc tế (19 bài thuộc danh mục ISI, 26 bài thuộc danh mục Scopus, 01 bài ACI); tổng số giáo trình đăng ký biên soạn đến thời điểm hiện tại là 37 giáo trình.

Tổ chức 25 hội thảo khoa học các cấp, thu hút nhiều nhà khoa học, chuyên gia trong nước và quốc tế tham dự; Tạp chí Khoa học Nhà trường xuất bản 06 số/năm đảm bảo theo định kỳ 2 tháng/số, gồm 5 số xuất bản bằng tiếng Việt và 1 số xuất bản bằng tiếng Anh. Hiện nay, Tạp chí khoa học Nhà trường được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm đối với 05 ngành (Văn học, Nông nghiệp - Lâm nghiệp, Vật lý, Giáo dục học, Kinh tế, trong đó đối với ngành Văn học Việt Nam nâng từ 0,5 điểm lên 0,75 điểm từ năm 2024). Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản tạp chí điện tử và cấp lại giấy phép xuất bản cho tạp chí in.

b) Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường tổ chức thực hiện 32 đoàn ra, 24 đoàn vào; duy trì các mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài; ký lại 02 thỏa thuận hợp tác và ký mới 03 thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài; phối hợp với ĐSQ Hoa Kỳ triển khai Chương trình trợ giảng tiếng Anh; Chương trình thuộc học bổng của Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức; tiếp nhận khoản viện trợ thực hiện dự án Hợp phần số 01 “Tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của trẻ em và cộng đồng thông qua giáo dục về khí hậu tại Trường ĐH Hồng Đức” do Tập đoàn Hyundai Engineering & Construction và Hyundai Motors Group của Hàn Quốc tài trợ; tiếp nhận khoản viện trợ thực hiện Dự án “Cuộc thi Ý tưởng sáng tạo về chuyển đổi số cho thích ứng biến đổi khí hậu” do tổ chức Cứu trợ trẻ em quốc tế - Văn phòng đại diện tại Việt nam tài trợ; thành lập Trung tâm Giáo dục về biến đổi khí hậu.

Tiếp nhận 06 thực tập sinh Trường Đại học Polytech Tours (Pháp) đến thực tập tại Trường; thực hiện đào tạo 105 LHS Lào.

3. Công tác tổ chức - cán bộ, chế độ chính sách và phát triển đội ngũ

Nhà trường đã trình Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường; Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức; Quy chế thực hiện dân

chủ trong hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Danh mục vị trí việc làm và tiêu chuẩn của từng vị trí trong Trường tiểu học, THCS và THPT Hồng Đức.

Thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 và các chức danh Hội đồng trường, bổ nhiệm lại Hiệu Trưởng, 02 Phó hiệu trưởng và bổ sung 01 Phó Hiệu trưởng.

Đã rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh do BTV Tỉnh ủy quản lý nhiệm kỳ 2019 - 2024, nhiệm kỳ 2024 - 2029; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2025 - 2030 của các đơn vị trong Trường.

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ lương, phụ cấp của Nhà nước và Nhà trường; thực hiện xếp loại viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024.

Xây dựng quy hoạch đào tạo sau đại học đối với 45 cán bộ, giảng viên; tổ chức cho viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng.

Cử 15 giảng viên đi nghiên cứu sinh, 31 giảng viên học lý luận chính trị, 11 giảng viên bồi dưỡng cập nhật kiến thức GDQP, 13 giảng viên học văn bằng 2 Tiếng Anh, 12 người bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Hiện nay, Nhà trường có 672 viên chức, người lao động với 417 giảng viên trong đó có 198 tiến sĩ (trong đó có 31 PGS).

4. Công tác kế hoạch, tài chính, hành chính, phục vụ người học và đảm bảo an ninh trật tự, PCCC, VSMT và ATTP

Triển khai thực hiện tốt công tác kế hoạch, cụ thể: Xây dựng kế hoạch hoạt động trên các lĩnh vực, Kế hoạch khối lượng công việc và kinh phí, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường; Kế hoạch kinh phí trung hạn giai đoạn 2023-2025; xây dựng định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực GDĐT của Trường ĐH Hồng Đức, xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê; điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024.

Rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ; hướng dẫn thực hiện kê khai thuế, kê khai tài sản và thu nhập cá nhân; kiểm tra, rà soát các nghĩa vụ tài chính của người học và dịch vụ trong trường; quản lý khai thác các nguồn thu hiệu quả, đúng quy định, tiết kiệm; sửa chữa các hạng mục công trình, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất đúng quy định, hoàn thành giải ngân đúng tiến độ, hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác văn thư - lưu trữ; vận hành hệ thống quản lý hành chính điện tử của UBND tỉnh Thanh Hoá (TD - office), của Bộ GD&ĐT (E- office) và thực hiện ký số các văn bản, duy trì quy trình hành chính “một cửa” (với 1.486 đề nghị, yêu cầu).

Xây dựng môi trường văn minh, thân thiện và tổ chức hoạt động thể dục thể thao cho sinh viên trong ký túc xá; chủ động công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra thường xuyên vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể và căng-tin trong trường; thăm khám và xử lý kịp thời các trường hợp có vấn đề về sức khỏe phải đến Trạm Y tế; tỉ lệ sinh viên tham gia BHYT đạt cao (99,9%); đảm bảo công tác an ninh trật tự, không để xảy ra mất tài sản trong trường.

Công tác phòng cháy, chữa cháy được thực hiện đúng quy định và theo kế hoạch, xây dựng Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế về công tác PCCC&CNCH; Kế hoạch

công tác PCCC&CNCH năm 2024; Kế hoạch kiểm tra an toàn PCCC&CNCH trước, trong và sau Tết Giáp Thìn 2024; xây dựng Quy định về PCCC, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, các Đội PCCC&CNCH cơ sở; thành lập Tổ PCCC, tổ chức tự kiểm tra an toàn về PCCC; tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cấp chứng chỉ PCCC&CNCH; tổ chức các hoạt động ngoại khóa và thực tập phương án chữa cháy và CNCH cho VC, NLĐ, người học.

5. Công tác học sinh, sinh viên và phục vụ cộng đồng

a) Công tác học sinh, sinh viên

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tìm hiểu, giáo dục pháp luật cho người học “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”; nghe báo cáo thời sự; các Hội nghị về công tác người học. Tổ chức cho người học ký cam kết thực hiện an toàn giao thông, an ninh trật tự; phối hợp với công an, chính quyền địa phương nắm bắt tình hình người học và giải quyết kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự; ban hành Kế hoạch xây dựng Trường ĐH Hồng Đức là điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTO năm 2024.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người học, nhất là sinh viên sư phạm. Thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên; giải quyết kịp thời thủ tục hành chính cho 654 lượt sinh viên; khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng.

Duy trì hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT, hội thi sinh viên tài năng, thi giọng hát hay, hoạt động phục vụ cộng đồng tạo môi trường rèn luyện cho sinh viên. Chuẩn hoá dữ liệu người học trên hệ thống phần mềm dùng chung PMT-EMS; cập nhật dữ liệu lên phần mềm HEMIS.

b) Hoạt động phục vụ cộng đồng

Hoạt động bồi dưỡng đào tạo: Tổ chức được 100 lớp đào tạo nghề thường xuyên cho 3.053 người lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; 03 lớp bồi dưỡng về Du lịch cộng đồng; 03 lớp chuyển đổi số trong Doanh nghiệp Du lịch.

Vận động quyên góp ủng hộ các quỹ nhân đạo từ thiện: Viên chức, người lao động Nhà trường đã hưởng ứng nhiệt tình ủng hộ các quỹ nhân đạo từ thiện như Quỹ hỗ trợ đoàn viên, CNVC- NLĐ Thanh Hóa năm 2024; Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Ủng hộ phòng chống thiên tai, ủng hộ người nghèo và nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thanh Hóa; Người khuyết tật và trẻ mồ côi; Quỹ ủng hộ giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, hải đảo, Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Thanh Hoá; Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá; Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn Tỉnh... với tổng số tiền ủng hộ gần 01 tỷ đồng.

Hoạt động tình nguyện: Tổ chức dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào; tiếp sức mùa thi; phối hợp với Trung tâm huyết học Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa tổ chức thành công 02 đợt hiến máu tình nguyện; tổ chức dạy học cho trẻ em ở làng trẻ em SOS; thành lập 06 đoàn tình nguyện với tổng số hơn 250 đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động “Chung tay xây dựng nông thôn mới”.

6. Công tác truyền thông, chuyển đổi số, khởi nghiệp và thư viện

a) Công tác truyền thông, chuyển đổi số

Đã hoàn thành 90% nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2023-2024; ký kết hợp tác với nhiều cơ quan, doanh nghiệp về các hoạt động chuyển đổi số.

Phối hợp với các đơn vị ngoài trường tổ chức tốt các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy học sinh; tổ chức kỳ thi tiếng Hàn cho người lao động; làm tốt công tác truyền thông; phối hợp với các cơ quan báo chí thường xuyên đăng tải, truyền thông xây dựng hình ảnh của Trường ĐH Hồng Đức.

b) Hoạt động khởi nghiệp

Triển khai kế hoạch tổ chức cuộc thi “Học sinh, sinh viên khởi nghiệp” năm 2024; Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo về chuyển đổi số cho thích ứng biến đổi khí hậu” do Tổ chức SCI - Văn phòng Đại diện tại Việt Nam tài trợ; tổ chức các workshop, Ngày hội Việc làm năm 2024 cho sinh viên và người lao động tại Nhà trường. Triển khai nhiệm vụ “Hỗ trợ phát triển trung tâm ĐMST, trung tâm khởi nghiệp ĐMST tại bộ, ngành, địa phương, tổ chức có tiềm năng phát triển khởi nghiệp ĐMST”. Tổ chức 15 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp cho các hộ kinh doanh và cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp tại Thanh Hóa; 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho HSSV Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

c) Công tác thông tin thư viện

Rà soát, bổ sung 314 giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Nhà trường; 100% chương trình đào tạo đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu dạy học; thực hiện số hóa giáo trình, tài liệu; 100% luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học của người học được lưu trữ đầy đủ, dễ tra cứu và cập nhật kịp thời./.

7. Công tác Quốc phòng - An ninh

Kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự, Trung đội tự vệ Nhà trường gắn với tổ chức huấn luyện quân sự - giáo dục chính trị đúng quy định; thực hiện liên kết GDQPAN cho sinh viên của 08/12 trường ĐH, CĐ trong tỉnh; cử đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QPAN theo kế hoạch của Hội đồng GDQPAN tỉnh Thanh Hóa; tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 4 cho 172 viên chức quản lý và đảng viên trong Nhà trường; thực hiện tốt các nội dung phục vụ các Đoàn kiểm tra công tác quân sự, quốc phòng và GDQPAN của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng GDQPAN Trung ương.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và đào tạo (để b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để c/đ);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để t/h);
- Lưu VT, P.QLĐT

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng